

## NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BỀN VỮNG DẢI ĐẤT CÁT VEN BIỂN Ở HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Phạm Văn Lương<sup>1\*</sup>, Trần Xuân Bình<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

<sup>2</sup>Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

\*Email: phamvanluongmt@yahoo.com.vn

### TÓM TẮT

Quản lý Nhà nước về đất đai có vai trò quan trọng, nhằm đảm bảo việc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả. Trong những năm qua, công tác quản lý đất cát ven biển huyện Bố Trạch còn gặp nhiều khó khăn. Bài báo nêu lên được thực trạng quản lý đất cát theo 15 nội dung trong Luật Đất đai năm 2013 và đề xuất các giải pháp quản lý bền vững dải đất cát ven biển huyện Bố Trạch. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để các nhà quản lý, các cấp lãnh đạo có các phương án quản lý và sử dụng đất cát có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

**Từ khóa:** Đất đai, quản lý đất đai, đất cát, vùng ven biển, quản lý bền vững.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tài sản quan trọng của quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là điều kiện cần cho mọi hoạt động sản xuất và đời sống. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các nhu cầu sử dụng đất ngày càng gây ra áp lực không nhỏ đến đất đai. Do đó quản lý Nhà nước về đất đai là một nhiệm vụ quan trọng, nhằm đảm bảo việc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

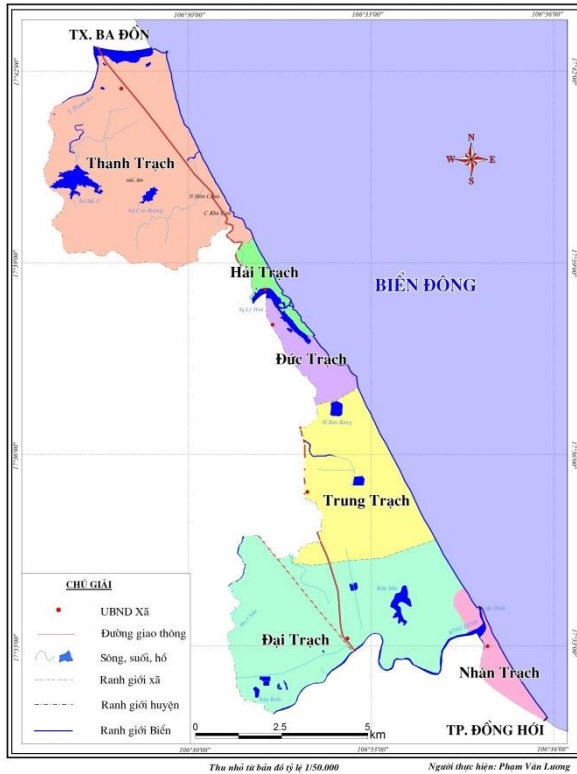
Huyện Bố Trạch có diện tích tự nhiên 2.114,2 km<sup>2</sup>. Toàn huyện có 30 xã, thị trấn với khoảng 24 km bờ biển và trên 40 km đường biên giới Việt - Lào. Đặc biệt, dải cát ven biển là khu vực có nhiều tiềm năng về khai thác, phát triển các mô hình kinh tế sinh thái và du lịch. Bên cạnh đó, đây là cũng là khu vực nhạy cảm, tiềm ẩn những hiểm họa về thiên. Công tác quản lý đất cát còn gặp nhiều khó khăn bởi nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Vì vậy để khai thác, sử dụng đất hợp lý, bảo vệ môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế, đồng thời quản lý bền vững đất cát cần nghiên cứu về thực trạng và từ đó đề xuất giải pháp quản lý bền vững dải đất cát ven biển huyện Bố Trạch.

## 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DẢI ĐẤT CÁT VEN BIỂN HUYỆN BỒ TRẠCH

### 2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất

#### a. Các nhân tố tự nhiên



Hình 1. Bản đồ hành chính vùng ven biển huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

Dải cát ven biển huyện Bồ Trạch bao gồm 6 xã: Thanh Trạch, Hải Trạch, Đức Trạch, Trung Trạch, Đại Trạch, Nhân Trạch, có tọa độ địa lý được giới hạn từ  $17^{\circ} 31' 49.8''$  đến  $17^{\circ} 42' 23.4''$  vĩ độ Bắc,  $106^{\circ} 27' 37.5''$  đến  $106^{\circ} 35' 57.3''$  kinh độ Đông.

Khu vực này có 2 dạng địa hình chủ yếu: dải cát ven biển và đồng bằng phù sa nội đồng.

Hệ thống thủy văn bao gồm: Sông Gianh, sông Lý Hòa, sông Dinh và hệ thống các sông, suối, hồ đập nhỏ phân bố đều trên khắp địa bàn.

Tổng diện tích đất là 6.677,77 ha, với 6 nhóm đất chính đó là đất cát, đất mặn, đất phù sa, đất xám, đất glây, đất có tầng mỏng, trong đó nhóm đất cát có diện tích lớn nhất.

Nhìn chung, khu vực nghiên cứu có vị trí địa lý giáp biển với nhiều bãi tắm, điểm du lịch đẹp, đồng thời đây là nơi đổ ra của các sông kết hợp với nhiều cảng cá, bến cá là nơi giao lưu buôn bán là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế ở địa phương. Bên cạnh đó với những kiểu địa hình khác, sự phân hóa khí hậu, thủy văn và đặc điểm của các nhóm đất, đòi hỏi công tác quản lý đất cần được nghiên cứu và xem xét một cách kỹ lưỡng, từ đó có các giải pháp sử dụng và quản lý tốt.

#### b. Nhân tố kinh tế - xã hội

Theo số liệu thống kê năm 2014, dân số huyện Bồ Trạch là 182.508 người, mật độ dân số khoảng 86 người/km<sup>2</sup> [1].

Cơ cấu kinh tế như sau: Ngành nông – lâm - thủy sản chiếm 33,3%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 22,9%, ngành thương mại dịch vụ chiếm 43,8%.

Tổng diện tích đất đô thị là 9.146,43 ha, chiếm 4,31 % tổng diện tích tự nhiên, đất khu dân cư nông thôn là 4.804,42 ha, chiếm 2,26% tổng diện tích tự nhiên.

Ảnh hưởng của nhân tố kinh tế xã hội đến việc quản lý và sử dụng đất được đánh giá bằng hiệu quả sử dụng đất. Thực trạng sử dụng đất liên quan đến lợi ích kinh tế của người sở hữu, sử dụng và kinh doanh đất đai. Với những điều kiện kinh tế - xã hội ở địa bàn nghiên cứu cho thấy công tác quản lý và sử dụng đất đã có những cải thiện trong những năm qua, những vẫn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Đòi hỏi cần đưa ra các giải pháp hợp lý nhằm đảm bảo tốt cho công tác quản lý và sử dụng đất, đồng thời thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

## 2.2. Hiện trạng và biến động sử dụng đất ở địa bàn nghiên cứu

### a. Hiện trạng sử dụng đất

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2014 (tính đến ngày 31/12/2014), huyện Bồ Trạch có 211.419,70 ha đất tự nhiên, chiếm 26,21 % so với diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong số đó diện tích đất đang được sử dụng vào các mục đích là 207.776,84 ha (chiếm 98,27 % diện tích tự nhiên), còn lại 3642,86 ha là đất chưa sử dụng, chiếm 1,78% tổng diện tích tự nhiên.

*Bảng 1.* Diện tích, cơ cấu các loại đất ở địa bàn nghiên cứu

STT	Loại đất	Địa bàn nghiên cứu	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính</b>	<b>6677,77</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>4445,75</b>	<b>66,58</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	2374,16	35,55
1.2	Đất lâm nghiệp	1830,81	27,42
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	190,20	2,85
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	50,58	0,76
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>1369,59</b>	<b>20,51</b>
2.1	Đất ở	288,87	4,33
2.2	Đất chuyên dùng	652,14	9,77
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	0,15	0,00
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,07	0,06
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	243,08	3,64
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	177,88	2,66
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	3,40	0,05
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>862,43</b>	<b>12,91</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	833,08	12,48
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	29,35	0,43
3.3	Núi đá không có rừng cây	0,00	0,00

*Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình năm 2014 [4]*

### b. Biến động sử dụng đất

Tình hình biến động sử dụng đất ở dải cát ven biển huyện Bồ Trạch trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2014 được thể hiện qua bảng 2 sau:

Bảng 2. Biến động các loại đất theo mục đích sử dụng

Diện tích: ha

Xã	Loại đất	2005	2007	2010	2014
Xã Thanh Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>2438,59</b>	<b>2438,59</b>	<b>2438,59</b>	<b>2438,59</b>
	1. Đất nông nghiệp	1659,83	1745,33	1740,43	1756,36
	2. Đất phi nông nghiệp	510,93	527,09	531,61	516,77
	3. Đất chưa sử dụng	267,83	166,17	166,55	165,46
Xã Hải Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>197,81</b>	<b>197,81</b>	<b>197,81</b>	<b>197,81</b>
	1. Đất nông nghiệp	8,41	63,43	63,35	31,62
	2. Đất phi nông nghiệp	116,90	130,04	131,35	96,27
	3. Đất chưa sử dụng	72,50	4,34	3,11	69,92
Xã Đức Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>249,73</b>	<b>249,73</b>	<b>249,73</b>	<b>249,73</b>
	1. Đất nông nghiệp	88,90	149,99	144,99	114,87
	2. Đất phi nông nghiệp	95,65	96,59	99,79	103,99
	3. Đất chưa sử dụng	65,18	3,15	4,95	30,87
Xã Trung Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>1062,71</b>	<b>1062,71</b>	<b>1062,71</b>	<b>1062,71</b>
	1. Đất nông nghiệp	503,58	590,85	636,35	635,28
	2. Đất phi nông nghiệp	147,87	163,25	161,57	193,02
	3. Đất chưa sử dụng	411,26	308,61	264,79	234,41
Xã Đại Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>2484,15</b>	<b>2484,15</b>	<b>2484,15</b>	<b>2484,15</b>
	1. Đất nông nghiệp	1729,62	1762,18	1769,96	1845,58
	2. Đất phi nông nghiệp	387,24	401,19	416,42	352,47
	3. Đất chưa sử dụng	367,29	320,78	297,77	286,1
Xã Nhân Trạch	<b>Tổng DT</b>	<b>244,78</b>	<b>244,78</b>	<b>244,78</b>	<b>244,78</b>
	1. Đất nông nghiệp	82,03	70,17	77,11	62,04
	2. Đất phi nông nghiệp	84,76	100,56	97,45	107,07
	3. Đất chưa sử dụng	77,99	74,05	70,22	75,67

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bồ Trạch năm 2014 [3]

Qua bảng 2 cho thấy diện tích các loại sử dụng đất ở dải cát ven biển thay đổi qua từng năm. Nhìn chung diện tích nông nghiệp và đất phi nông nghiệp trong thời gian từ năm 2005 đến 2014 đều tăng, ngoại trừ xã Nhân Trạch có diện tích đất nông nghiệp giảm. Đất chưa sử dụng giảm qua từng năm. Như vậy có thể thấy rằng biến động sử dụng đất ở dải cát ven biển huyện Bồ Trạch đang đi theo định hướng quy hoạch đó là đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng và mở rộng quỹ đất cho nông nghiệp và phi nông nghiệp.

### 2.3. Công tác quản lý đất đai ở khu vực nghiên cứu

#### a. Thực trạng về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý đất đai

Toàn huyện có tổng cộng 22 cán bộ làm công tác quản lý đất đai có trình độ đại học, 12 cán bộ có trình độ thạc sỹ và 4 cán bộ có trình độ học vấn khác. Từ kết quả phỏng vấn các cán bộ quản lý và cán bộ địa chính cho thấy: Địa bàn quản lý tương đối rộng, các loại hình sử dụng đất khác nhau, do đó công tác quản lý việc sử dụng đất trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn. Với hệ thống trang thiết bị, máy móc được cấp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng. Đa số

các cán bộ địa chính phải tự trang bị máy tính xách tay để thuận lợi hơn trong việc lưu trữ bản đồ và sử dụng các phần mềm. Đây là những bất cập chung của các xã thuộc vùng nghiên cứu.

**b. Công tác quản lý hành chính, luật và chính sách**

Quản lý hành chính, luật và chính sách là bao gồm việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức văn bản đó, kết hợp với thanh tra, kiểm tra, giám sát theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai. Đồng thời quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

**Bảng 3.** Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai huyện Bồ Trạch

Năm	Tổng số đơn thư	Số đơn thuộc thẩm quyền	Trong đó			Số đơn được giải quyết	Cấp giải quyết				Số đơn tồn đọng
			Khiếu nại	Tố cáo	Tranh chấp		Xã	Huyện	Tỉnh	Tòa án giải quyết	
2005	42	38	25	1	12	34	11	13	6	4	4
2006	37	35	23	1	11	34	12	14	2	6	1
2007	30	28	17	2	9	25	8	7	6	4	3
2008	31	30	22	-	8	28	12	13	1	2	2
2009	35	35	23	1	11	31	11	12	0	8	4
2010	29	26	17	2	7	23	10	4	8	1	3
2011	32	30	19	3	8	26	11	11	2	2	4
2012	38	35	23	1	11	31	7	16	5	3	4
2013	31	28	18	2	8	25	7	12	4	2	3
2014	30	28	16	1	11	26	12	11	2	1	2
<b>Tổng</b>	<b>335</b>	<b>313</b>	<b>203</b>	<b>14</b>	<b>96</b>	<b>283</b>	<b>101</b>	<b>113</b>	<b>36</b>	<b>33</b>	<b>30</b>

*Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình năm 2014 [4]*

- Số lượng công văn chỉ đạo từ năm 2010 đến năm 2014 của các xã thay đổi theo từng năm, khoảng từ 8 đến 12 công văn mỗi năm.

- Đối với công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014, toàn huyện đã nhận được tổng cộng 335 đơn thư, trong đó có 313 đơn thư thuộc thẩm quyền xử lý, và đã giải quyết được 283 đơn thư, còn tồn lại 30 đơn thư vẫn đang chờ giải quyết. Như vậy có thể thấy được công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đạt 90.41%, cho thấy sự nỗ lực giải quyết từ các đơn vị có thẩm quyền. Nhưng đó cũng là một vấn đề cần quan tâm, các mâu thuẫn, bất đồng trong vấn đề quản lý và sử dụng đất còn nhiều bất cập và khúc mắc.

**c. Công tác quản lý địa giới, đo đạc và lập bản đồ**

- Hiện nay toàn bộ 6 xã trong địa bàn nghiên cứu đều đã được đo vẽ bản đồ địa chính theo các tỷ lệ 1/1000, 1/2000 và 1/10.000, với tổng cộng 105 tờ trong đó có 35 tờ tỷ lệ 1/1000, 68 tờ tỷ lệ 1/2000, 2 tờ tỷ lệ 1/10.000.

**Bảng 4.** Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính 6 xã địa bàn nghiên cứu

STT	Xã	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Diện tích đã đo đạc lập BĐDC (ha)	Tổng số tờ BĐDC (tờ)	Diện tích đo đạc lập bản đồ địa chính theo các tỷ lệ		
					1/1.000	1.2000	1/10.000
1	Đại Trạch	2484,15	2381,85	31		2381,85	
2	Đức Trạch	249,73	233,07	8		233,07	
3	Hải Trạch	197,81	178,44	19	178,44		
4	Nhân Trạch	244,78	235,70	17	205,67		30,03
5	Thanh Trạch	2438,59	2301,38	17		2301,38	
6	Trung Trạch	1062,71	1053,85	13		861,14	192,71
<b>Tổng cộng</b>		<b>6677,77</b>	<b>6384,3</b>	<b>105</b>	<b>384,11</b>	<b>5777,4</b>	<b>222,74</b>

*Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bồ Trạch năm 2014 [3]*

Qua bảng 4, diện tích đã được đo đạc của toàn bộ 6 xã là 6384,3 ha, chiếm 95,6% tổng diện tích tự nhiên khu vực nghiên cứu. Trong đó bản đồ tỷ lệ 1/1000 là 384,11 ha, chiếm 5,75%, bản đồ tỷ lệ 1/2000 là 5777,4 ha, chiếm 86,51%, bản đồ tỷ lệ 1/10.000 là 222,74 ha, chiếm 3,34% tổng diện tích tự nhiên khu vực nghiên cứu.

**d. Công tác quản lý quy hoạch, sử dụng đất và thông tin đất đai**

Theo quy hoạch đến năm 2020, trong toàn địa bàn nghiên cứu, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển qua đất phi nông nghiệp là 384,58 ha, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 642,71 ha.

Hiện nay để đáp ứng nhu cầu nhà ở tại địa bàn nghiên cứu đồng thời với diện tích đất cát chưa sử dụng còn nhiều, trong những năm qua các xã đã tiến hành quy hoạch, phát triển quỹ đất, phân lô, chia nền đất ở trên khu vực đất cát, cụ thể như sau:

+ Xã Trung Trạch: Quy hoạch 103 nền đất ở tại thôn 5, diện tích trung bình khoảng 250m<sup>2</sup>/nền, khu quy hoạch này gần dọc vùng bờ biển.

+ Xã Nhân Trạch với mật dân số khá đông tập trung tại vùng trung tâm xã, sát sông Dinh, từ năm 2003, xã bắt đầu quy hoạch khu vực nhà ở mới tại thôn Nam, khu vực này trước đây là rừng phòng hộ, đến năm 2005 bắt đầu cho xây dựng nhà ở, hiện tại một số lượng lớn các hộ đã chuyển lên khu ở mới.

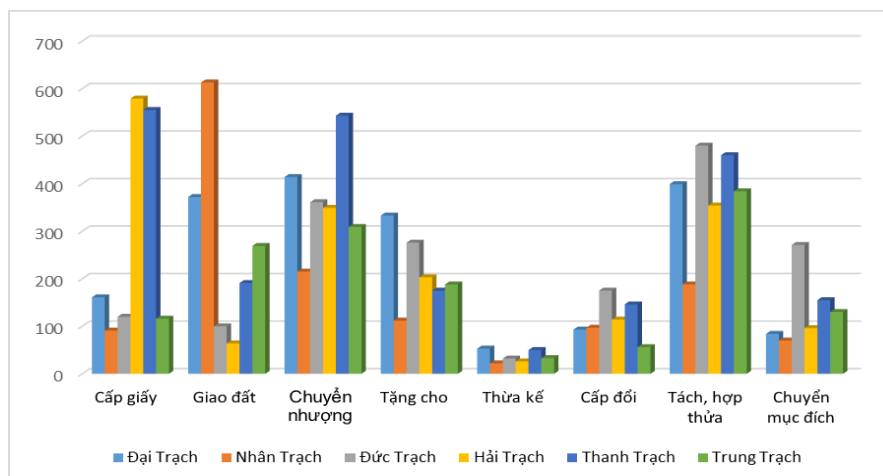
+ Xã Đại Trạch từ năm 2005 đã bắt đầu tiến hành quy hoạch khu tái định cư mới, đó khu quy hoạch đất ở Lòì Cát, có vị trí giáp ranh với xã Nhân Trạch gần cửa Dinh, tổng diện tích quy hoạch là 4,2 ha. Khu quy hoạch này hiện nay đã bắt đầu xây dựng nhà ở. Hiện tại đã có 3 hộ đang xây dựng, với diện tích mỗi nền đất khoảng 300 – 450 m<sup>2</sup>. Và cũng đang bắt đầu tiến hành bán nền đất ở khu đất cát tiếp giáp phía sau.

+ Xã Thanh Trạch hiện tại đang quy hoạch trồng 10 ha rừng phòng hộ, vào ngày 20/9/2015, đã tiến hành trồng 8.000 cây. Ngoài ra xã còn quy hoạch 10 ha để phục vụ làm đường quốc phòng dọc bờ biển, quy hoạch khu công nghiệp trong toàn xã với diện tích lên đến 30 ha, và quy hoạch quỹ đất để phân lô, bán nền đất ở tại thôn Tiên Phong, gần với đường quốc phòng.

+ Xã Hải Trạch với khoảng 1.700 hộ sinh sống trên vùng đất cát, 45% hộ gia đình làm ngư nghiệp và buôn bán. Trong những năm qua xã đã tiến hành quy hoạch cụm dịch vụ, nhưng sau đó đã chuyển qua cho xây dựng nhà ở với 49 nền đất ở, diện tích khoảng 300 – 400 m<sup>2</sup> /nền. Khu vực kè dọc bờ sông Lý Hoà gần cửa biển đã được tiến hành xây dựng kè từ năm 2005.

+ Xã Đức Trạch là xã có người dân chủ yếu làm ngư nghiệp, trên toàn xã có khoảng gần 700 tàu thuyền đánh cá. Năm 2013, xã tiến hành quy hoạch di chuyển chợ trung tâm xã từ thôn Đông Đức về thôn Trung Đức, và hiện tại chợ cũ tại thôn Đông Đức đã được quy hoạch thành khu vui chơi, giải trí cho người dân. Đồng thời hiện tại xã cũng đang tiến hành quy hoạch 100 nền đất ở, tổng diện tích quy hoạch 7,1ha tại thôn Trung Đức. [6]

- Cơ quan quản lý 6 xã vùng ven biển huyện Bố Trạch đã giải quyết 10.677 hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất.



Hình 2. Tổng hợp cấp giấy chứng nhận QSD đất từ 2005 đến 2014

### e. Công tác quản lý tài chính và dịch vụ đất đai

Trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2014, tổng ngân sách thu được từ hoạt động liên quan đất đai (trừ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai) là 740.442,2 triệu đồng. Trong đó thu từ tiền

sử dụng đất là cao nhất với 624.022 triệu đồng, thứ hai là tiền thuê đất 43.543,5 triệu đồng, tiếp theo là thuế CQ/TNCN từ CQSDĐ và lệ phí trước bạ đất lần lượt là 25.354,3 triệu đồng và 47.522,5 triệu đồng. Trong những năm qua công tác quản lý tài chính đất đai đã giúp cho Nhà nước tránh thất thu và giúp quá trình giám sát được đảm bảo.

### **3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BỀN VỮNG DẢI ĐẤT CÁT VEN BIỂN HUYỆN BỒ TRÁCH**

#### **3.1. Giải pháp về cơ chế chính sách, luật pháp**

- Cần ban hành các quy định nhằm đảm bảo quỹ đất cho trồng rừng phòng hộ ven biển theo các dự án trồng rừng nhằm tăng nhanh tỷ lệ che phủ rừng để hạn chế xói mòn đất, cát bay cát chảy.

- Rà soát, bổ sung và xây dựng mới các văn bản pháp luật, xây dựng các chính sách về nông nghiệp, nông thôn và nông dân theo hướng hỗ trợ để chủ động ứng phó và khắc phục hậu quả của thoái hóa đất. Đặc biệt là quản lý sử dụng tài nguyên đất, nước để đảm bảo an ninh lương thực, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm ngăn ngừa thoái hóa đất. Bên cạnh đó cần phải xây dựng chính sách bảo hiểm nông nghiệp.

#### **3.2. Giải pháp về quy hoạch**

Để đảm bảo cho quy hoạch đất đai có hiệu quả, ổn định, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng, cần quy hoạch sử dụng đất một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Trên cơ sở thực trạng sử dụng đất cần tiến hành điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kết hợp với quy hoạch các vùng sản xuất cây lương thực, rau màu để ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa và phục hồi khả năng sản xuất của đất. Đồng thời cần có phương án chủ động bố trí cơ cấu cây trồng, mùa vụ hợp lý để nâng cao độ phì đất.

Quy hoạch vùng nuôi thủy sản tập trung theo hướng chú trọng nhiều hơn đến công tác bảo vệ môi trường, đồng thời cơ cấu lại loại hình nuôi và đối tượng nuôi phù hợp.

#### **3.3. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai**

- Tuyên truyền, phổ biến công khai rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Cơ quan địa chính huyện và xã có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch sử dụng đất: Bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật; giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kiến nghị bổ sung và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.



### 3.4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Cần hoàn thiện bộ máy, tổ chức và kiện toàn đội ngũ cán bộ địa chính từ huyện đến xã thị trấn. Quan tâm đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi, có đạo đức nghề nghiệp, sử dụng thành thạo máy vi tính; ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### 3.5. Giải pháp lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường

- Trong quá trình sử dụng nên phối hợp linh hoạt mô hình nông lâm kết hợp để đạt nhiều hiệu quả cùng một lúc.

- Tận dụng diện tích đất cát biển để phát triển các ngành kinh tế khác.

- Cải tạo đất bằng cách tận dụng các phụ phẩm của trồng trọt như: thân rế của các loại cây như lạc, ngô, đậu... để tăng lượng chất lượng hữu cơ trong đất vừa có tác dụng góp phần bảo vệ môi trường.

- Bón vôi để cải tạo độ chua trong đất, bón bùn ao để tăng lượng mùn cho đất, cải tạo thành phần cơ giới của đất.

- Đối với từng nhóm đất cụ thể trong hoạt động nông, lâm nghiệp, nắm vững đặc điểm từng loại đất cụ thể như đất cồn cát, đất cát biển chua, đất cát biển gầy trên cơ sở đó đề xuất các loại cây trồng thích hợp.

## 4. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu bài báo đã đưa ra được một số kết luận sau:

- Dải cát ven biển huyện Bồ Trạch là vùng có địa hình tương đối thấp, tài nguyên đất chủ yếu là đất cát gây rất nhiều khó khăn trong đời sống cũng như hoạt động sản xuất của người dân. Mặt khác, đây là vùng thường xuyên phải hứng chịu nhiều thiên tai nặng nề gây thiệt hại lớn về người và tài sản trong những năm qua.

- Với diện tích đất nông nghiệp chiếm 66,58%, đất phi nông nghiệp chiếm 22,51%, đất chưa sử dụng là 12,91%, nhìn chung dải cát ven biển huyện Bồ Trạch vẫn chú trọng cho việc phát triển nông nghiệp, do đó trong công tác quản lý, quy hoạch đất đai cần xem xét ổn định và phát triển diện tích đất phi nông nghiệp, đồng thời đưa các diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu dân số và phát triển kinh tế.

- Việc quản lý đất cát vùng ven biển huyện Bồ Trạch theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai của Luật đất đai 2013 đã được thực hiện cơ bản nghiêm túc và đúng quy định. Qua việc phân tích việc thực hiện các nội dung này ở khu vực nghiên cứu đã làm nổi bật lên rất nhiều vấn đề còn tồn tại như chưa có quy hoạch tổng thể vùng đất cát ven biển của tỉnh Quảng Bình và quy hoạch chi tiết vùng đất cát các huyện ven biển, đội ngũ quản lý tại các địa phương còn mỏng, cơ sở vật chất tương đối cũ, hệ thống máy tính có cấu hình thấp, người dân sử dụng

đất không theo kế hoạch, quy hoạch dẫn đến sự tranh chấp về đất đai

- Trên cơ sở đó, tác giả đã tiến hành đề xuất các nhóm giải pháp mang tính thực tiễn, đáp ứng được các yêu cầu và những tồn tại trong công tác quản lý đất cát ven biển. Đây là các nhóm giải pháp giúp cho công tác quản lý đất cát ở địa bàn được hiệu quả và theo hướng bền vững.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Cục Thống kê Quảng Bình (2014). *Niên giám thống kê năm 2014*, Quảng Bình.
- [2]. Đinh Văn Hải (2014). *Giáo trình quy hoạch và quản lý đất đai*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- [3]. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bồ Trách (2014). *Báo cáo số liệu thống kê đất huyện Bồ Trách*, tỉnh Quảng Bình.
- [4]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình (2014). *Báo cáo kiểm kê đất đai năm 2014*, Quảng Bình.
- [5]. UBND huyện Bồ Trách (2014). *Báo cáo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2014*, Quảng Bình.
- [6]. UBND tỉnh Quảng Bình (2010). *Quy hoạch sử dụng đất đai tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 – 2020*, Quảng Bình.

## **RESEARCH ON REALITY AND PROPOSED SOLUTIONS OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE COASTAL SANDY REGIONS IN BO TRACH DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE**

**Pham Van Luong<sup>1\*</sup>, Tran Xuan Binh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Department of Natural Resources and Environment, Quang Binh province*

<sup>2</sup>*Hue University College of Sciences*

*\*Email: phamvanluongmt@yahoo.com.vn*

### **ABSTRACT**

*National administration has played an important role in supporting rational, economic and efficient usage of land. In recent years, the national administration in the coastal sandy regions in Bo Trach district has been facing many difficulties. The article pointed out the current administration of sandy regions according to 15 contents of the 2013 Land Law and proposed solutions in contributing to sustainable development for the study area. Moreover, the study results were the base for local administrators to propose strategies in using appropriately the land resources of the study area whereby improving socio-economic development.*

**Keywords:** *Land administration, sand region, coastal region.*